



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1701>

CUỘC TẬP KẾT CHUYỂN QUÂN Ở NAM BỘ NĂM 1954: QUÁ TRÌNH, ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

Trần Duy Ê^{1,2}

¹ *Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

² *Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

Email: duyebpdt@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 07/11/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 27/11/2025; Ngày duyệt đăng: 07/12/2025

Tóm tắt

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, cuộc tập kết chuyển quân tại Nam Bộ trở thành một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Từ góc độ lý thuyết, sự kiện này có thể được tiếp cận như một hiện tượng chính trị – quân sự đồng thời mang tính xã hội – văn hóa, phản ánh sự kết hợp giữa chiến lược cách mạng và năng lực tổ chức thực tiễn. Các khung phân tích về chuyển giao lực lượng trong chiến tranh, tính chính danh quốc tế của phong trào cách mạng, và vai trò quân chủng trong vận động chính trị đều có thể vận dụng để lý giải tính chất đa chiều của cuộc tập kết.

Nhiều công trình lịch sử đã ghi nhận cuộc tập kết như minh chứng cho sự nghiêm túc của Việt Nam trong việc thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, đồng thời nhấn mạnh vai trò của quân dân Nam Bộ trong việc duy trì phong trào cách mạng tại chỗ. Các nghiên cứu gần đây chú trọng đến khía cạnh xã hội, đặc biệt là sự tham gia của nhân dân địa phương trong công tác hậu cần, bảo vệ lực lượng và củng cố khối đại đoàn kết quân – dân. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng trống trong việc phân tích tác động lâu dài của cuộc tập kết đối với phương thức hoạt động của cách mạng miền Nam trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ.

Từ nền tảng lý thuyết và lược sử nghiên cứu, có thể phát triển giả thuyết rằng: cuộc tập kết chuyển quân tại Nam Bộ không chỉ là một sự kiện quân sự – chính trị mang tính tình thế, mà còn là một mô hình tổ chức chiến lược, góp phần định hình phương thức hoạt động song song của cách mạng ở hai miền, đồng thời tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài của phong trào đấu tranh. Giả thuyết này mở ra hướng tiếp cận mới, cho phép phân tích cuộc tập kết như một hiện tượng lịch sử tổng hợp, nơi các yếu tố quân sự, chính trị, xã hội và văn hóa cùng tương tác để tạo nên sức mạnh cách mạng.

Từ khóa: *Chiến lược cách mạng, Hiệp định Giơ-ne-vơ, tập kết, Việt Nam năm 1954.*

Trích dẫn: Trần, D. Ê. (2025). Cuộc tập kết chuyển quân ở Nam Bộ năm 1954: Quá trình, đặc điểm và ý nghĩa lịch sử. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 58-69. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1701>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE 1954 TROOP RELOCATION IN SOUTHERN VIETNAM: PROCESS, KEY FEATURES, AND HISTORICAL SIGNIFICANCE

Tran Duy E^{1,2*}

¹*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Border Guard Force of Dong Thap Province, Vietnam*

Email: duyebpdt@gmail.com

Article history

Received: 07/11/2025; Received in revised form: 27/11/2025; Accepted: 07/12/2025

Abstract

After the signing of the Geneva Agreement in 1954, the troop regrouping in Southern Vietnam represented a pivotal turning point in the revolutionary trajectory of Vietnam. This study approaches the event not merely as a military-administrative operation, but as a multidimensional phenomenon encompassing political, social, and cultural dimensions. Theoretically, the regrouping can be analyzed through frameworks of wartime force transfer, international legitimacy of revolutionary movements, and the role of mass mobilization in political processes.

A historiography review indicates that earlier studies emphasized Vietnam's commitment to the Geneva Agreement and the role of Southern armed forces and civilians in sustaining local revolutionary movements. More recent scholarship has highlighted the social aspects, particularly the contribution of local populations in logistics, protection, and consolidation of military-civilian solidarity. However, there remains a significant gap in analyzing the long-term impact of the regrouping on the organizational modes of the Southern revolution during the subsequent resistance against the United States.

Building on this theoretical foundation and historical review, the paper develops the hypothesis that the regrouping in Southern Vietnam was not simply a contingent military-political event, but rather a strategic organizational model. It contributed to shaping the dual operational structure of the revolution in both regions and laid the groundwork for the long-term development of the struggle movement. This hypothesis opens a new analytical approach, enabling the regrouping to be examined as a composite historical phenomenon in which military, political, social, and cultural factors interacted to generate revolutionary strength

Keywords: *Geneva Accords, revolutionary strategy, regrouping, Vietnam in 1954.*

1. Giới thiệu

Cuộc tập kết chuyển quân tại Nam Bộ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là một sự kiện mang ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Đây không chỉ là một yêu cầu về mặt quân sự, mà còn là một phép thử đối với bản lĩnh, tinh thần tổ chức và lòng trung thành của quân dân miền Nam đối với sự nghiệp cách mạng.

Qua quá trình triển khai, có thể nhận thấy một số đặc điểm nổi bật: đó là sự tổ chức chặt chẽ, tính kỷ luật cao của các lực lượng vũ trang, sự hỗ trợ to lớn từ nhân dân địa phương, và đặc biệt là tinh thần vượt khó, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng độc lập – thống nhất của đất nước. Dù trong điều kiện vật chất vô cùng khó khăn, cuộc chuyển quân vẫn diễn ra an toàn, đúng kế hoạch, để lại nhiều bài học quý giá về tổ chức lực lượng và xây dựng khối đoàn kết quân – dân.

Về mặt kết quả, hàng chục ngàn cán bộ, chiến sĩ đã an toàn tập kết ra Bắc, tạo tiền đề quan trọng cho việc xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam chính quy, hiện đại. Đồng thời, một bộ phận cán bộ được phân công ở lại đã bí mật bám trụ, là cơ sở để hình thành lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam. Là lực lượng trực tiếp chiến đấu cho phong trào cách mạng lâu dài ở miền Nam.

Tập kết chuyển quân tại Nam Bộ không chỉ là sự kiện mang tính kỹ thuật quân sự, mà còn có vai trò chiến lược, góp phần bảo toàn lực lượng, giữ vững ngọn lửa đấu tranh và khẳng định ý chí sắt đá của nhân dân ta trên con đường giành lại độc lập, tự do, thống nhất non sông.

2. Nội dung

2.1. Quá trình thực hiện

Sau chiến thắng quyết định tại Điện Biên Phủ (7/5/1954), Pháp buộc phải ngồi vào bàn đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ (từ 8/5 đến 21/7/1954); kết quả là Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết vào ngày 21/7/1954, quy định chấm dứt chiến sự ở Đông Dương, tạm thời chia cắt Việt Nam thành hai miền tại vĩ tuyến 17, theo điều khoản Hiệp định, quân đội Nhân dân Việt Nam (Việt Minh) sẽ tập kết ra miền Bắc với thời gian quy định cho việc tập kết là 300 ngày (từ 21/7/1954 đến 20/5/1955) chờ tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7/1956; mỗi bên (Việt Minh và Pháp, đại diện cho chính quyền Bảo Đại, sau này là chính quyền Ngô Đình Diệm) rút lực lượng xuống phía Nam vĩ tuyến 17.

Việc tập kết quân đội tại Nam Bộ được tiến hành theo đúng các điều khoản của Hiệp định, trong bối cảnh hết sức phức tạp và để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Lực lượng kháng chiến miền Nam, theo quy định, phải tập kết ra miền Bắc trong thời hạn 300 ngày, tính từ ngày ký hiệp định đến hết ngày 20 tháng 5 năm 1955. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ và quần chúng yêu nước đã lần lượt rút khỏi các chiến khu, căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ để lên đường ra miền Bắc. Các điểm tập kết chủ yếu được tổ chức tại các tỉnh như: Hàm Tân-Xuyên Mộc (Bà Rịa Vũng Tàu) 80 ngày (từ ngày 21/7/1954 đến ngày 11/10/1954); Cao Lãnh-Đồng Tháp Mười (nay tỉnh Đồng Tháp) 100 ngày (từ ngày 21/7/1954 đến 30/10/1954); Chác Bông-Cà Mau 200 ngày (từ ngày 21/7/1954 đến 10/02/1955) (Hò, 2004).

Hàm Tân - Xuyên Mộc (Bà Rịa Vũng Tàu) là nơi tập kết 80 ngày, các lực lượng vũ trang và cơ quan dân chính Đảng tập trung chuyển ra miền Bắc theo hiệp định. Chủ yếu là các tiểu đoàn chủ lực 300, 303, 306 của tỉnh Bà Chợ, Thủ Biên, Gia Ninh và Sài Gòn cùng bộ đội địa phương huyện, tinh tổ chức thành hai trung đoàn. Tại đây, lực lượng tập kết có trên 11.000 người, trong đó bộ đội 7.456 người, 937 thương binh, bệnh binh, 1.514 cán bộ dân-chính và các lực lượng khác. Các địa phương trong phân liên khu miền Đông Nam Bộ vừa bố trí lực lượng tập kết ra Bắc, phân công người ở lại, vừa chỉ đạo công tác bảo vệ địa bàn, đón tiếp các

lực lượng vũ trang miền Đông về - 334 - khu tập kết. Trong đó, có thể đề cập đến những nỗ lực của Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, lực lượng vũ trang, Mặt trận Liên Việt và của các tầng lớp nhân dân đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (Đảng ủy-Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, 2020).

Cao Lãnh-Đồng Tháp Mười (nay tỉnh Đồng Tháp) là điểm tập kết thứ hai trong nội dung được quy định cụ thể về hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. Trong 100 ngày bộ đội tập kết ở Cao Lãnh, ta đẩy mạnh học tập tuyên truyền tranh thủ chính trị; củng cố phát triển Mặt trận Dân tộc Thống nhất; củng cố phát triển cơ sở mật; thực hiện các quyền tự do dân chủ; tăng cường công tác xã hội, khôi phục sản xuất mua bán của nhân dân. Đặc biệt trong thời gian tập kết, Tiểu đoàn 311 của tỉnh cùng nhân dân đã xây dựng Đài liệt sĩ (ở trung tâm quận lỵ) và mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Hồ Chủ tịch (ở ấp Hoà Hiệp xã Hoà An). Khi bàn giao quận lỵ Cao Lãnh cho đối phương, biên bản ghi rõ 02 công trình này và phía địch cam kết giữ nguyên vẹn. Ngày 20/10/1954, quân chúng nhân dân từ các nơi tập trung về bến bắc Cao Lãnh tiễn con em xuống thuyền cuối cùng đưa bộ đội đi tập kết. Trong không khí kẻ ở người đi vẫy tay hứa hẹn ngày trở về, vẫy tay đưa 2 ngón tay lên, hàm ý 2 năm sau hội ngộ. Nhìn chung, tại Cao Lãnh đã có 13.508 người lên đường ra miền Bắc; trong đó, bộ đội tỉnh Long Châu Sa là 2.563 người (Tiểu đoàn 311 là 586 người), tỉnh Mỹ Tho là 4.011 người, tỉnh Gia Định Ninh (Gia Định, Tây Ninh) là 3.479 người, Phân liên khu miền Đông là 2.523 người, tình nguyện quân Campuchia là 794 người (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 2020).

Tại Phân liên khu miền Tây, lực lượng tập kết tập trung về khu 200 ngày Cà Mau với tổng cộng 29.138 người, trong đó có 17.344 quân nhân thuộc các đơn vị chủ lực miền Tây, được biên chế thành bốn trung đoàn: Trung đoàn 1 (Tiểu đoàn chủ lực 307, bộ đội địa phương và du kích các tỉnh Vĩnh Trà, Bến Tre); Trung đoàn 2 (Tiểu đoàn 410, bộ đội địa phương và du kích các tỉnh Cần Thơ, Long Châu Hà); Trung đoàn 3 (Tiểu đoàn 308, bộ đội địa phương và du kích các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu); Trung đoàn 4 (các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp, quân nhu, các đơn vị binh chủng) (Hồ, 2008). Lực lượng còn lại gồm công nhân quân giới, công nhân viên các cơ quan dân-chính-đảng, số du kích và các cán bộ xã không thể ở lại địa phương được biên chế thành từng khối theo mỗi tỉnh. Cùng với đó có 986 thương binh, bệnh binh. Trong lực lượng tập kết còn có 1.038 người của cách mạng Campuchia bao gồm 6 cán bộ cấp Trung ương, 16 cán bộ cấp miền, tỉnh, 30 cán bộ cấp huyện, 12 sinh viên đại học và trung học, cán bộ cơ sở và chiến sĩ chiếm tới 80% tổng số; trong đó có 128 đồng chí là đảng viên Đảng nhân dân, 130 thiếu niên; 17 phụ nữ, năm gia đình cán bộ (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau, 2004).

Tuy nhiên, không phải mọi lực lượng cách mạng đều tập kết ra Bắc. Nhận thức rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai trong việc phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ và quyết tâm chia cắt lâu dài đất nước, Đảng ta đã chủ trương để lại một bộ phận cán bộ, đảng viên và lực lượng nòng cốt hoạt động bí mật trong lòng dân. Đây là một quyết định mang tầm chiến lược. Những người ở lại tiếp tục gây dựng cơ sở cách mạng, củng cố phong trào yêu nước, từng bước chuyển sang đấu tranh chính trị và vũ trang khi điều kiện cho phép. Họ sống và hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn, bị truy lùng, khủng bố bởi chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng tinh thần cách mạng vẫn không bị dập tắt.

Mặc dù, thực tế quá trình tập kết và chuyển quân tại Nam Bộ không diễn ra một cách suôn sẻ. Chính quyền Sài Gòn, dưới sự bảo trợ và chỉ đạo của Mỹ, đã không thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hiệp định. Họ tìm mọi cách phá hoại quá trình tập kết của lực lượng cách mạng: từ việc cản trở các đợt di chuyển, kiểm soát gắt gao các tuyến đường, cho đến việc bắt bớ, thủ tiêu cán bộ, đảng viên bị lộ. Phong trào “tổ cộng, diệt cộng” được triển khai mạnh mẽ, biến miền Nam thành một vùng đất đầy rẫy sự khủng bố, bất ổn và đàn áp. Nhiều cán bộ,

chiến sĩ đã hy sinh trên đường đi tập kết hoặc buộc phải quay lại hoạt động bí mật trong lòng dân. Dù vậy, kết quả của cuộc tập kết, chuyển quân tại Nam Bộ vẫn là một thắng lợi lớn về chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, những cán bộ, chiến sĩ miền Nam đã ra Bắc an toàn, góp phần quan trọng trong việc củng cố hậu phương vững chắc, xây dựng miền Bắc thành hậu phương căn cứ cách mạng của cả nước, thể hiện tinh thần và ý chí đấu tranh, quá trình tập kết, chuyển quân đã để lại nhiều cảm xúc sâu sắc, thể hiện tinh thần đoàn kết và quyết tâm giữ vững độc lập, thống nhất đất nước, dù phải chia cắt tạm thời, quân dân Nam Bộ vẫn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng và Bác Hồ, tiếp tục đấu tranh trong lòng địch, chờ ngày tái thống nhất đất nước. Đó là minh chứng cho ý chí kiên cường, tinh thần bất khuất và lòng trung thành son sắt của những người con Nam Bộ đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc (Hò, 2008).

Bên cạnh đó, công dân cũng có quyền di cư lựa chọn nơi cư trú được quy định trong Hiệp định Giơ-ne-vơ tại Điều 14d của Hiệp định đình chiến ở Việt Nam quy định “Trong thời gian kể từ khi Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực đến ngày hoàn thành việc chuyển quân, nếu có những thường dân ở một khu vực thuộc quyền kiểm soát của bên này mà muốn sang ở vùng giao cho bên kia, thì nhà chức trách của khu trên phải cho phép và giúp đỡ sự di chuyển ấy” và Chương 8 của Bản tuyên bố chung ngày 21 tháng 7 năm 1954 cũng ghi rõ “Phải triệt để thi hành những điều khoản trong Hiệp định đình chiến nhằm mục đích bảo vệ tính mạng và tài sản của mọi người, nhất là phải để cho tất cả mỗi người dân Việt Nam tự do muốn sống ở khu vực nào tùy ý họ”. Tuy nhiên, Mỹ, Pháp và bọn phản động lợi dụng quy định này đã dụ dỗ, lôi kéo, cưỡng ép đồng bào miền Bắc di cư vào miền Nam để chúng dễ dàng thực hiện các mưu đồ chính trị, quân sự, kinh tế, nhằm gây ra một cuộc khủng hoảng toàn diện với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đảng, Chính phủ, đứng đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh, đứng trước một viễn cảnh âm mưu trắng trợn vi phạm điều khoản trong Hiệp định của kẻ thù, Ta vẫn chủ trương nghiêm chỉnh thi hành các cam kết về tự do đi lại, cư trú của công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào muốn di cư như cấp giấy thông hành, giúp đỡ phương tiện, chủ trương thiết lập quan hệ bình thường giữa miền Bắc và miền Nam ở khu vực giới tuyến quân sự tạm thời. Mặc khác, thực hiện công tác tuyên truyền, giải thích nội dung của Hiệp định, các địa phương nơi có đồng bào giáo dân đồng tổ chức học tập, giải thích rõ Điều 14d, thông báo rộng rãi quy định của Ủy ban quốc tế về quyền tự do đi lại và thời hạn chấm dứt di cư (ngày 18 tháng 5 năm 1955) tạo điều kiện thuận lợi cho những người có nguyện vọng di cư vào miền Nam nộp đơn kịp thời. Theo đó, công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên muốn vào miền Nam, khi nộp đơn đăng ký, cơ quan cấp giấy chậm nhất 15 ngày phải giải quyết, chính quyền địa phương ở nhiều nơi cử cán bộ về xã để giải quyết thủ tục, giúp việc cấp giấy thông hành diễn ra nhanh chóng, hầu hết tất cả các nguyện vọng của người dân xin cấp giấy thông hành đều được đáp ứng như: ở Huyện Đức Thọ (Hà Tĩnh) đã cấp giấy thông hành cho 1.737 người/1.751 người nộp đơn; ở Phát Diệm đã cấp 9.051 giấy thông hành cho người dân đi vào miền Nam (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2019).

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa luôn tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ đồng bào có nguyện vọng di cư về phương tiện vận chuyển tới khu vực tập kết 300 ngày của đối phương và còn cử cán bộ y tế theo các chuyến tàu, ô tô chăm sóc sức khỏe dọc đường, hỗ trợ thuốc men, lương thực để đồng bào vào miền Nam được thuận lợi. Tháng 11 năm 1954, chỉ tính ở Phát Diệm, đồng bào đi vào miền Nam 2.667kg gạo, 5.416.000 đồng và trên 70.000 viên thuốc; ở Nghệ An hỗ trợ đồng bào 11.152kg gạo, 113.709.886 đồng, 347 chuyến ô tô và hàng chục chuyến ca nô chuyên chở 15.843 người, đồng bào về bến Cửa Hội xuống tàu vào miền Nam (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2019).

Những việc làm trên đã khẳng định việc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghiêm chỉnh chấp hành nội dung các điều khoản trong Hiệp định Giơ-ne-vơ, tôn trọng quyền tự do lựa chọn chỗ ở của nhân dân, đặc biệt là giáo dân, luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi tốt nhất cho người dân di cư vào miền Nam. Việc làm này vừa thể hiện trách nhiệm, hợp ý dân lòng dân và còn là biện pháp khéo léo trong việc đấu tranh chính trị có hiệu quả với những dư luận xuyên tạc, vu khống của kẻ thù cho rằng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vi phạm Điều 14d của Hiệp định đình chiến, ngăn cản quyền tự do đi lại của nhân dân, đàn áp tôn giáo,...

2.2. Những nhận định về quá trình tập kết chuyển quân ở Nam Bộ năm 1954

2.2.1. Hoạt động tập kết chuyển quân ở Nam Bộ diễn ra trên nhiều địa điểm với nhiều mức độ khác nhau

Hoạt động tập kết chuyển quân ở Nam Bộ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là một quá trình phức tạp, diễn ra trên diện rộng nhiều địa điểm với mức độ khác nhau, phản ánh rõ sự chênh lệch về điều kiện địa lý, chính trị và lực lượng giữa các vùng. Ở những nơi có phong trào kháng chiến mạnh, việc chuyển quân diễn ra có tổ chức, an toàn và hiệu quả. Ngược lại, tại các vùng bị địch kiểm soát chặt hoặc bị chia cắt, hoạt động này gặp nhiều trở ngại, thậm chí không thể thực hiện được trọn vẹn. Mặc dù đối mặt với muôn vàn khó khăn, quá trình tập kết vẫn góp phần quan trọng vào việc bảo toàn lực lượng cách mạng, củng cố hậu phương miền Bắc, đồng thời để lại một bộ phận cán bộ, chiến sĩ trung kiên ở lại miền Nam, làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh sau này. Điều đó cho thấy tinh thần kiên cường, linh hoạt và sáng tạo của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp đầy thử thách. Quân đội nhân dân Việt Nam (chủ yếu là các lực lượng của Việt Minh) thực hiện rút lui về miền Bắc, trong khi đó quân đội Pháp và lực lượng của Quốc gia Việt Nam dần tiếp quản các khu vực theo đúng thời hạn quy định tại các địa điểm chính diễn ra hoạt động tập kết chuyển quân: Bà Rịa-Vũng Tàu; Đồng Tháp Mười, Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre, Vĩnh Long, Tây Ninh,...

Ở những vùng có phong trào kháng chiến mạnh, hoạt động tập kết thuận lợi hơn, như ở các vùng Đồng Tháp Mười, Cà Mau, Bạc Liêu, Bà Rịa-Vũng Tàu,... đây là những nơi có truyền thống đấu tranh kiên cường trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Pháp, địa hình hiểm trở, sự hỗ trợ đoàn kết của nhân dân không chỉ là hậu phương mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình bảo vệ, dẫn đường, tiếp tế, che giấu cán bộ: Giúp nguy trang, giấu người và vũ khí khi có truy quét; cung cấp lương thực, thuyền bè cho các đoàn rút quân; làm tai mắt cảnh báo khi có dấu hiệu nguy hiểm. Những điều này phản ánh sự gắn bó máu thịt giữa quân và dân, là nhân tố then chốt tạo nên thành công của các cuộc chuyển quân tại các địa bàn trọng yếu. Bên cạnh đó, sự chủ động của lực lượng cách mạng có kinh nghiệm tổ chức chiến đấu và rút lui, từng quen với lối đánh du kích, linh hoạt. Chủ động thay đổi phương án di chuyển tùy theo tình hình thực tế, tổ chức các trạm trung chuyển bí mật, các điểm nghỉ chân an toàn trên hành trình ra Bắc; xây dựng kế hoạch bố trí lực lượng ở lại, xây dựng được cơ sở chính trị hoạt động vững chắc, được nhân dân tin tưởng, che chở. Nhờ vậy, hoạt động chuyển quân, rút quân và đưa cán bộ ra miền Bắc, tổ chức một cách trật tự và chặt chẽ từ các đơn vị bộ đội, cán bộ và nhân viên kháng chiến được bố trí rút lui từng đợt, theo kế hoạch cụ thể. Tiến độ nhanh, ít bị gián đoạn, nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương, việc di chuyển quân được thực hiện khá thuận lợi.

2.2.2. Lực lượng tham gia tập kết chuyển quân ở Nam Bộ đủ các thành phần quân-dân-chính đảng từ trung ương đến địa phương

Cuộc tập kết chuyển quân ở Nam Bộ giai đoạn 1954-1955 là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa chiến lược và nhân văn sâu sắc. Tham gia vào quá trình này là một lực lượng vô cùng đa dạng, trải dài từ cán bộ lãnh đạo cấp Trung ương đến cán bộ cơ sở địa phương; từ các đơn

vị quân đội chính quy đến lực lượng hậu cần, y tế, dân công hỏa tuyến; từ thanh niên, học sinh miền Nam cho đến các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo yêu nước. Đây còn là một cuộc di chuyển chiến lược có tính chất chính trị, lịch sử sâu sắc, thể hiện tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và quyết tâm tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Sự kiện này đánh dấu bước chuyển trọng tâm của cách mạng Việt Nam từ chiến trường toàn quốc sang hai miền, mở đầu cho thời kỳ đấu tranh thống nhất đất nước.

Trong khoảng thời gian 300 ngày thực hiện việc chuyển quân tập kết theo Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, quá trình diễn ra đúng với các quy định đã được thỏa thuận. Riêng tại Nam Bộ, tổng số người tham gia tập kết lên tới 53.253 người, phản ánh quy mô lớn và tính chất đa dạng của lực lượng. Cơ cấu cụ thể bao gồm: 35.059 bộ đội, 3.900 cán bộ dân chính đảng, 518 công nhân viên chức dân chính đảng, 4.450 công nhân, 1.921 thương binh, 233 tù binh được trao trả, 72 cán bộ xã, 3.934 học sinh, 1.503 thành viên gia đình quân đội, cán bộ và người hồi hương, cùng 1.057 người thuộc các thành phần khác (như tù nhân vượt ngục, Hoa kiều, đồng bào dân tộc thiểu số) (Hội đồng chỉ đạo biên soạn *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ*, 2003, tr. 207). Tỷ trọng lớn nhất thuộc về lực lượng quân đội (chiếm khoảng 65,8%), khẳng định vai trò nòng cốt của quân đội trong tiến trình cách mạng. Sự tham gia của cán bộ, công nhân, học sinh và gia đình phản ánh tính chất toàn diện của phong trào, không chỉ giới hạn trong quân sự mà còn lan tỏa sang chính trị, xã hội và giáo dục. Sự hiện diện của thương binh và tù binh được trao trả cho thấy tính nhân văn của quá trình, khi những đối tượng dễ bị tổn thương cũng được bảo đảm quyền lợi trong khuôn khổ hiệp định. Thành phần khác (Hoa kiều, đồng bào dân tộc thiểu số, tù nhân vượt ngục) minh chứng cho tính đa dạng xã hội và sự gắn kết của nhiều tầng lớp trong công cuộc kháng chiến. Kết quả này phản ánh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong việc tổ chức lực lượng, đồng thời thể hiện triết lý nhân văn và nghĩa tình của người dân Nam Bộ, khi nhiều tầng lớp xã hội cùng tham gia, tạo nên một bức tranh toàn diện về sự đoàn kết dân tộc trong giai đoạn lịch sử đặc biệt.

2.2.3. Việc tổ chức tập kết chuyển quân vừa tuyên truyền vận động quần chúng vừa chuẩn bị lực lượng ở lại cho cuộc đấu tranh mới

Việc tổ chức tập kết chuyển quân tại Nam Bộ không chỉ mang ý nghĩa như một bước đi chiến lược nhằm củng cố lực lượng ở miền Bắc, mà còn được xem là một chiến dịch toàn diện trên các phương diện tư tưởng, chính trị và tổ chức. Quá trình này vừa đóng vai trò vận động quần chúng nhân dân tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng, vừa đồng thời chuẩn bị một cách kín đáo cho giai đoạn đấu tranh mới. Lực lượng cách mạng không chỉ tập trung vào công tác tuyên truyền và củng cố niềm tin của quần chúng đối với lý tưởng độc lập dân tộc, mà còn triển khai những biện pháp linh hoạt để xây dựng và duy trì hệ thống cán bộ, cơ sở ở lại miền Nam. Chính sự chuẩn bị song song này đã tạo nên tảng vững chắc cho sự tiếp nối của phong trào đấu tranh cách mạng trong bối cảnh lịch sử đầy biến động.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, nhiều đoàn cán bộ đã được điều động xuống các địa phương, đặc biệt là các vùng công giáo, vùng mới giải phóng và những khu vực mà quân địch chuẩn bị rút đi, nhằm phối hợp với lực lượng tại chỗ triển khai công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh cán bộ, chiến sĩ và học sinh miền Nam lên đường tập kết ra Bắc, tâm lý lo lắng và nghi ngại xuất hiện trong một bộ phận nhân dân. Để giải tỏa những băn khoăn này, Đảng và Nhà nước đã tiến hành các hoạt động tuyên truyền, vận động và giải thích một cách hệ thống về mục tiêu chiến lược: tạm thời rút quân để chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh lâu dài, đồng thời củng cố niềm tin vào triển vọng thống nhất đất nước. Các hoạt động tuyên truyền không chỉ nhằm trấn an quần chúng, giữ vững ổn định xã hội và phong trào cách mạng tại chỗ, mà còn được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng và sự tham gia của nhiều lực lượng. Đội ngũ cán bộ, văn nghệ sĩ, trí thức, dân công hỏa tuyến... đã trở thành những “tuyên truyền viên sống”, thể hiện tinh thần kỷ luật,

gương mẫu và sự gần gũi với nhân dân. Chính sự kết hợp giữa tính chính trị – tư tưởng và tính xã hội – văn hóa trong công tác tuyên truyền đã góp phần quan trọng vào việc duy trì sự đồng thuận, củng cố niềm tin cách mạng và tạo nền tảng cho phong trào đấu tranh tiếp tục phát triển (Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa, 2024).

Một nội dung đặc biệt quan trọng trong công tác tổ chức giai đoạn tập kết là việc sắp xếp lực lượng ở lại miền Nam. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương, nhiều cán bộ chủ chốt, giàu kinh nghiệm đã được phân công tiếp tục bám trụ, từ đó hình thành lực lượng “nằm vùng” hoạt động bí mật trong lòng địch, giữ vững ngọn cờ cách mạng. Đây không chỉ là giải pháp tình thế, mà còn là một quyết định chiến lược có ý nghĩa lâu dài, nhằm bảo đảm sự liên tục của phong trào cách mạng trong điều kiện khó khăn.

2.3. Ý nghĩa của hoạt động tập kết chuyển quân năm 1954

2.3.1. Góp phần tuyên truyền Hiệp định Giơ-ne-vơ và thắng lợi cuộc của kháng chiến chống Pháp

Việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ đã mở ra một giai đoạn mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt tại miền Nam, nơi quân và dân ta triển khai việc thực thi Hiệp định trên nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, công tác tuyên truyền giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng. Khi chứng kiến cảnh cán bộ, chiến sĩ và học sinh cách mạng ra Bắc tập kết, không ít quân chúng rơi vào tâm trạng hoang mang, lo lắng. Chính vì vậy, hoạt động tuyên truyền đã đảm nhận chức năng giải thích, trấn an và định hướng tư tưởng, khẳng định rằng thắng lợi đã đạt được, sự chia cắt chỉ mang tính tạm thời, và hòa bình sẽ tất yếu dẫn đến thống nhất đất nước trong tương lai gần.

Trong quá trình tập kết, công tác tuyên truyền được lồng ghép một cách khéo léo và sâu rộng vào các hoạt động xã hội. Những buổi liên hoan chia tay, sinh hoạt văn nghệ, hay các cuộc gặp gỡ giữa cán bộ và quần chúng đã trở thành diễn đàn để truyền tải thông điệp cách mạng. Lực lượng nòng cốt trong công tác này là các cán bộ tuyên huấn, văn nghệ sĩ và trí thức yêu nước, những người đã truyền đạt lý tưởng cách mạng thông qua nhiều hình thức như tài liệu, truyền đơn, khẩu hiệu giàu cảm xúc, tiêu biểu là: “Miền Nam trong tim miền Bắc, miền Bắc trong tim miền Nam” hay “Tạm chia tay để gặp lại trong ngày thống nhất”. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hai lần khẳng định mạnh mẽ trước dư luận quốc tế: “Từ đã lâu, nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, không ai có thể chia cắt được”; “Miền Nam là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi. Nhân dân Việt Nam sẽ được thống nhất” (Nguyễn, 2024).

Công tác tuyên truyền về thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ và cuộc kháng chiến chống Pháp không chỉ đáp ứng yêu cầu tình thế trước mắt, mà còn tạo ra những hiệu ứng chính trị – tư tưởng có giá trị lâu dài. Hoạt động này đã khơi dậy mạnh mẽ lòng tự hào dân tộc, đặc biệt trong tầng lớp thanh niên, học sinh và trí thức, đồng thời đặt nền móng tư tưởng vững chắc cho cuộc đấu tranh chính trị giai đoạn 1955–1959 tại miền Nam, và sau đó là sự chuyển biến sang đấu tranh vũ trang. Nhờ vậy, một thế hệ cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân đã được hình thành với lý tưởng kiên định, không dao động trước sự đàn áp khốc liệt và âm mưu chia rẽ từ chính quyền Sài Gòn cùng các thế lực bên ngoài.

Trong bối cảnh đầy biến động sau năm 1954, công tác tuyên truyền thắng lợi của Hiệp định và cuộc kháng chiến không chỉ giúp nhân dân nhận thức rõ vị thế lịch sử cũng như con đường cách mạng, mà còn trở thành một đòn bẩy tư tưởng - chính trị mang tính chiến lược. Nó góp phần giữ vững niềm tin, củng cố ý chí đấu tranh và tạo bước đệm quan trọng cho các giai đoạn tiếp theo, hướng tới mục tiêu thống nhất đất nước.

2.3.2. Sắp xếp bố trí lực lượng ở lại và giáo dục chính trị tư tưởng chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp tới ở Nam Bộ

Chủ trương chiến lược của Đảng không phải là rút toàn bộ lực lượng ra miền Bắc, mà giữ lại một bộ phận cán bộ, đảng viên và cơ sở quần chúng nhằm tiếp tục duy trì và phát triển phong trào cách mạng tại miền Nam. Hàng nghìn cán bộ nòng cốt đã được tổ chức ở lại, hoạt động bí mật tại các địa bàn trọng yếu như Đồng Tháp Mười, U Minh, Bến Tre, Tây Ninh... Tại những khu vực này, các tổ chức Đảng bí mật, mạng lưới cơ sở trung kiên cùng các tổ chức bán hợp pháp được duy trì để bảo đảm sự tồn tại và sức sống của phong trào sau khi lực lượng vũ trang chính quy rút đi. Các đơn vị vũ trang tuy được giải thể trên danh nghĩa, nhưng nhiều chiến sĩ đã “chuyển hình thức” hoạt động dưới vỏ bọc hợp pháp hoặc bán hợp pháp. Đồng thời, nhiều tổ chức quần chúng như “đội bảo vệ”, “tổ thanh niên yêu nước”, “hội đồng hương”, “tổ tương trợ”... được hình thành, vừa duy trì hệ thống liên lạc, vừa đóng vai trò cầu nối trong việc vận động quần chúng, giữ vững ngọn lửa cách mạng (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2019). Dựa trên những dự báo về âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, muốn chia cắt lâu dài đất nước ta, cách mạng đã để lại một lực lượng lớn, nòng cốt có kinh nghiệm, rút vào hoạt động bí mật phòng khi tình huống xấu xảy ra, và chôn giấu một số lượng lớn vũ khí cho lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam sử dụng. Tháng 10-1954, Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam Bộ được tổ chức. Quán triệt chủ trương của Đảng, Xứ ủy chuyển từ hình thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị. Hội nghị nhận định tình hình có hai khả năng, trong đó khả năng thứ hai Mỹ - Diệm không chịu thi hành hiệp định là xấu nhất, phải chuẩn bị cho khả năng đó. Nam Bộ đã để lại 60.000 đảng viên và rút vào hoạt động bí mật, các hoạt động chôn giấu vũ khí được bí mật thực hiện chuẩn bị cho phương án xấu nhất (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, 2002).

Chính từ sự chuẩn bị mang tính chiến lược đó, lực lượng ở lại đã giữ vai trò quyết định trong việc tạo tiền đề cho phong trào Đồng Khởi (1959–1960). Nhờ sự bố trí hợp lý và tư tưởng kiên định, đến cuối thập niên 1950, khi cách mạng miền Nam chuyển từ hình thức đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang, các cơ sở ngầm này đã trở thành hạt nhân lãnh đạo, trực tiếp phát động quần chúng nổi dậy tại nhiều địa phương như Bến Tre, Trà Bồng, Tây Ninh... Các tổ chức bí mật này đồng thời duy trì được mối liên hệ thường xuyên với Trung ương Cục và miền Bắc, bảo đảm sự chỉ đạo thông suốt trong bối cảnh bị đàn áp khốc liệt. Đây cũng chính là nền tảng quan trọng dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vào năm 1960 – tổ chức chính trị-quân sự nòng cốt, giữ vai trò lãnh đạo nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Những cán bộ ở lại phải đối diện với thách thức kép: vừa bảo đảm an toàn cá nhân trong môi trường đầy rủi ro, vừa duy trì liên lạc với tổ chức để lãnh đạo phong trào quần chúng. Họ đồng thời đóng vai trò chuẩn bị cơ sở chính trị - xã hội cho các cuộc đấu tranh sắp tới. Chính sự kiên định và linh hoạt của lực lượng này đã tạo nên một mạng lưới cách mạng ngầm, giữ cho phong trào không bị gián đoạn sau khi phần lớn lực lượng tập kết ra Bắc.

Cuộc tập kết chuyển quân tại Nam Bộ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ không chỉ mang tính chất của một bước đi chiến thuật, mà thực chất là một chủ trương chiến lược thể hiện sự chủ động và sáng suốt của Đảng. Đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của cán bộ cách mạng trong việc duy trì và phát triển phong trào đấu tranh lâu dài. Về chiến lược: việc duy trì lực lượng nằm vùng là một bước đi mang tính quyết định, bảo đảm cho cách mạng miền Nam có sự kế thừa và phát triển liên tục. Về tổ chức: sự phân công cán bộ giàu kinh nghiệm cho thấy tầm nhìn dài hạn của Trung ương trong việc chuẩn bị nhân sự nòng cốt, tránh tình trạng phong trào bị rơi vào khoảng trống lãnh đạo. Về xã hội: lực lượng nằm vùng đã trở thành cầu nối giữa Đảng với quần chúng, góp phần duy trì niềm tin và tinh thần đấu tranh trong bối cảnh đầy biến động.

2.3.3. Chuyển một bộ phận lớn cán bộ, chiến sĩ, nhân dân ra miền Bắc học tập, rèn luyện để trở về miền Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ

Mặc dù giành thắng lợi trên bàn đàm phán thông qua việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, ngay từ đầu, Đảng đã dự báo chính xác âm mưu phá hoại tổng tuyển cử của Mỹ–Diệm tại miền Nam. Từ đó, cách mạng Việt Nam sớm xác định rõ yêu cầu phải chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh lâu dài, kể cả khả năng đối đầu bằng con đường vũ trang. Việc đưa một bộ phận lớn cán bộ và chiến sĩ ra Bắc không phải là sự rút lui đơn thuần, mà là bước đi chiến lược nhằm rèn luyện, củng cố và xây dựng lực lượng thành một quân đội chính quy, hiện đại, sẵn sàng đảm nhận những nhiệm vụ lớn hơn trong tương lai. Trên tinh thần đó, công tác lựa chọn và đào tạo cán bộ được tiến hành một cách bài bản và kỹ lưỡng. Hàng vạn cán bộ, đảng viên và chiến sĩ từ các tỉnh Nam Bộ đã được tuyển chọn dựa trên những tiêu chí nghiêm ngặt về năng lực, phẩm chất và bản lĩnh chính trị. Trong số này có nhiều thanh niên, học sinh và trí thức yêu nước – những lực lượng giàu tiềm năng và khát vọng cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc (Vũ, 2024).

Sau khi tập kết ra miền Bắc, lực lượng cách mạng từ Nam Bộ đã được rèn luyện toàn diện trong điều kiện thuận lợi của hậu phương lớn. Họ được phân bổ vào các cơ sở đào tạo quân sự, chính trị, y tế, kỹ thuật và sư phạm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận cũng như kỹ năng tổ chức. Quá trình này từng bước hình thành một đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên”, sẵn sàng trở lại miền Nam khi Tổ quốc yêu cầu. Từ cuối những năm 1950, và đặc biệt sau năm 1960, hàng nghìn cán bộ tập kết đã được tổ chức đưa trở lại miền Nam qua nhiều tuyến đường khác nhau, bao gồm đường mòn, đường biển và tuyến Trường Sơn huyền thoại. Lực lượng trở về này trở thành hạt nhân trong việc xây dựng các tổ chức cách mạng tại miền Nam, đồng thời giữ vai trò nòng cốt trong sự ra đời và phát triển của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Quân Giải phóng miền Nam, cũng như các ban cán sự và ban quân sự tỉnh, khu ở khắp các địa phương Nam Bộ.

Vì vậy, vai trò lịch sử của lực lượng cán bộ tập kết không chỉ mang tính chất tình thế, mà còn hàm chứa ý nghĩa chiến lược lâu dài và sâu sắc đối với tiến trình cách mạng Việt Nam. Việc đưa một bộ phận cán bộ, học sinh và trí thức ưu tú ra miền Bắc được xem là bước chuẩn bị kỹ lưỡng cho sự nghiệp cách mạng lâu dài của dân tộc. Đây là minh chứng rõ rệt cho tầm nhìn xa và tư duy chiến lược của Đảng, luôn chủ động xây dựng lực lượng, củng cố nền tảng tư tưởng và tổ chức nhằm đối phó với những chặng đường cách mạng đầy thử thách phía trước. Cuộc tập kết chuyển quân ở Nam Bộ, do đó, không chỉ là một giải pháp quân sự mang tính ngắn hạn, mà thực chất là một quyết sách chiến lược sáng suốt của Đảng. Quá trình lựa chọn, đào tạo và rèn luyện đội ngũ kế thừa tại miền Bắc đã góp phần hình thành lực lượng trung kiên, có bản lĩnh chính trị vững vàng cùng năng lực lãnh đạo và tổ chức thực tiễn. Chính lực lượng này đã trở thành trụ cột của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đóng góp quan trọng vào thắng lợi lịch sử năm 1975, đưa đến sự thống nhất hoàn toàn của đất nước.

2.3.4. Chứng minh cho dư luận quốc tế thấy thái độ và quyết tâm của Đảng, quân đội, nhân dân Nam bộ về việc thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương

Cuộc tập kết chuyển quân tại Nam Bộ năm 1954 không chỉ mang ý nghĩa nội bộ trong tiến trình cách mạng, mà còn đóng vai trò như một thông điệp đối ngoại có giá trị, phản ánh rõ ràng quan điểm, thái độ và lập trường của cách mạng Việt Nam trước dư luận quốc tế. Việc tuân thủ nghiêm túc các điều khoản của Hiệp định Geneva là minh chứng cho tinh thần trách nhiệm và thiện chí của Việt Nam trong việc bảo vệ hòa bình khu vực cũng như trật tự thế giới. Các đơn vị vũ trang tại Nam Bộ đã tiến hành rút quân đúng thời hạn và tại các địa điểm được quy định, bao gồm Bà Rịa–Vũng Tàu, Cao Lãnh–Đồng Tháp Mười, và Chác Bông–Cà Mau. Mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn do sự cản trở từ chính quyền Ngô Đình Diệm, lực

lượng cách mạng cùng quần chúng nhân dân vẫn kiên định duy trì kỷ luật, trật tự và thái độ ôn hòa. Chính sự kiên trì này đã khẳng định tâm vóc đạo đức và bản lĩnh chính trị của cách mạng Việt Nam trong bối cảnh lịch sử đầy thử thách. Trong khi ta tôn trọng và chấp hành Hiệp định, thì phía Ngô Đình Diệm công khai từ chối tổng tuyển cử, khủng bố các cơ sở cách mạng, đàn áp nhân dân yêu nước và liên tục gây rối tình hình miền Nam. Đồng thời, Mỹ không ngừng can thiệp, biến miền Nam thành căn cứ chống phá cách mạng. Sự đối lập này đã góp phần vạch rõ ai là bên vi phạm, ai là bên giữ đúng cam kết, từ đó giúp ta giành được sự ủng hộ ngày càng rộng rãi của cộng đồng quốc tế.

Song song với việc tổ chức rút quân một cách nghiêm chỉnh, quá trình tập kết được triển khai công khai, minh bạch và với mức độ tổ chức cao. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, học sinh và quần chúng nhân dân đã được tuyên truyền, vận động di chuyển ra Bắc trong bầu không khí trật tự và chủ động. Những buổi chia tay, đưa tiễn đầy xúc động không chỉ góp phần củng cố niềm tin trong nước, mà còn được ghi lại và truyền tải tới bạn bè quốc tế như một minh chứng thuyết phục về việc Việt Nam tôn trọng hòa bình và nghiêm túc thực hiện các cam kết quốc tế (Võ, 2024).

Cuộc tập kết chuyển quân năm 1954 không chỉ mang ý nghĩa quân sự và chính trị nội bộ, mà còn tạo điều kiện để Việt Nam định hình và quảng bá hình ảnh một quốc gia yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa và văn minh trên trường quốc tế. Thông qua những hành động cụ thể, Việt Nam đã gửi đi một thông điệp mạnh mẽ: mặc dù đất nước tạm thời bị chia cắt, mục tiêu hòa bình, độc lập và thống nhất vẫn được kiên định theo đuổi. Chính sự kiên định này đã giúp cách mạng Việt Nam tranh thủ được sự đồng tình và thiện cảm từ các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là phong trào cộng sản, công nhân, phong trào giải phóng dân tộc, cũng như các quốc gia đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân tại châu Á, châu Phi và châu Âu. Uy tín quốc tế được hình thành từ quá trình đó đã trở thành nền tảng quan trọng để Việt Nam phản bác các luận điệu tuyên truyền sai lệch của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, đồng thời củng cố lập trường chính nghĩa cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Kết luận

Cuộc tập kết chuyển quân ở Nam Bộ năm 1954 không chỉ là một hoạt động quân sự – hành chính thuần túy, mà còn mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc về chính trị và ngoại giao trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Việc thực hiện nghiêm túc các cam kết của Hiệp định Giơ-ne-vơ đã thể hiện thái độ trách nhiệm của quân và dân Nam Bộ nói riêng, nhân dân cả nước nói chung đối với cộng đồng quốc tế, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh một Việt Nam chính nghĩa, kiên cường và yêu chuộng hòa bình. Đây là đóng góp quan trọng trong việc tạo thế mạnh về dư luận, chính trị và ngoại giao cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước sau này.

Tuy nhiên, quá trình tập kết cũng bộc lộ một số hạn chế. Một mặt, việc rút một bộ phận lớn lực lượng ra miền Bắc khiến phong trào cách mạng tại miền Nam phải đối diện với nguy cơ suy yếu trong giai đoạn đầu. Mặt khác, công tác tổ chức, tuyên truyền và bảo đảm an toàn cho lực lượng ở lại còn gặp nhiều khó khăn do bối cảnh chính trị – xã hội phức tạp, sự kiểm soát gắt gao của đối phương và những hạn chế về phương tiện, điều kiện hậu cần. Những yếu tố này cho thấy cuộc tập kết, dù thành công về tổng thể, vẫn đặt ra những thách thức lớn cho phong trào cách mạng tại chỗ.

Trong tương lai, hướng nghiên cứu mới cần tập trung vào việc phân tích sâu hơn tác động lâu dài của cuộc tập kết đối với sự hình thành hai lực lượng cách mạng song song ở hai miền, cũng như vai trò của lực lượng “nằm vùng” trong việc duy trì phong trào đấu tranh tại miền Nam. Đồng thời, cần có những nghiên cứu so sánh giữa Nam Bộ và các khu vực khác để làm rõ đặc thù về tổ chức, xã hội và văn hóa trong tiến trình tập kết. Việc tiếp cận đa chiều này sẽ giúp tái hiện một cách toàn diện hơn ý nghĩa lịch sử của cuộc tập kết, không chỉ như

một sự kiện quân sự – chính trị, mà còn như một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau. (2004). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau, tập 1 (1930–1975)*. Cà Mau: NXB Mũi Cà Mau.
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (2020). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, tập I (1927–1954)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (2020). *Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu biên niên sự kiện (1945–2015)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng. (2002). *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Hồ, S. Đ. (2008). *Cuộc kháng chiến nhìn từ Nam Bộ*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ. (2003). *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945–1975)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
- Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa. (2024). *Những đóng góp của đồng bào, cán bộ, chiến sỹ miền Nam tập kết ra Bắc (1954)*. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Thanh Hóa với đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc 70 năm sâu nặng nghĩa tình, tháng 9/2024, Thanh Hóa: 364-369.
- Nguyễn, Đ. N. (2024). *Kết quả, ý nghĩa trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tập kết, chuyển quân ra Bắc 1954 – 1955*. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Thanh Hóa với đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc 70 năm sâu nặng nghĩa tình, tháng 9/2024, Thanh Hóa: 85-96.
- Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2019). *300 ngày đấu tranh, thi hành Hiệp định Genève (21/7/1954–17/5/1955)*. Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.
- Vũ, Q. Đ. (2024). *Hiệp định Giơnevơ và những vấn đề về tập kết chuyển quân giữa các bên sau chiến tranh Đông Dương*. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Thanh Hóa với đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc 70 năm sâu nặng nghĩa tình, tháng 9/2024, Thanh Hóa: 31-36.
- Võ, V. S. (2024). *Chuyển quân tập kết sau Hiệp định Giơnevơ: 70 năm nhìn lại*. Kỷ yếu hội thảo khoa học: Thanh Hóa với đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc 70 năm sâu nặng nghĩa tình, tháng 9/2024, Thanh Hóa: 97-106.